

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẢO LỘC  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v tranh chấp “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thanh Nhân

2. Ông Hoàng Xuân Ty

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Duy Toàn- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 247/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022;

+ *Nguyên đơn:* Anh **Lại Quốc Đ**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 105/37, đường LTK, phường 1, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

+ *Bị đơn:* Chị **Hà Thị Thu Th**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 105/37, đường LTK, phường 1, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/5/2022 và những lời trình bày của nguyên đơn anh Lại Quốc Đ thể hiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Hà Thị Thu Th quen biết nhau từ năm 1999, sau đó tự tìm hiểu nhau đến năm 2000 thì tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau. Việc chung sống là tự nguyện và được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2001 tại UBND phường 1, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ anh Đ tại đường ĐTH được 02 tháng thì vợ chồng thuê nhà sống riêng. Do quá trình chung sống anh Đ nghi ngờ chị Th còn liên hệ với người yêu cũ nên vợ chồng có xích mích vì vậy sau đó anh Đ đưa vợ và con trai lớn về nhà bố mẹ anh sống, còn anh Đ vẫn đang sống ở nhà thuê nhưng hàng ngày anh Đ vẫn về nhà bố mẹ để ăn uống, sinh hoạt và thăm bố mẹ và vợ con, còn tối thì

ngủ ở tiệm được khoảng 04 năm. Sau đó thì anh Đ không về nhà ăn uống thường xuyên và thăm bố, mẹ cũng như vợ con nữa mà anh chủ yếu sống ở tiệm sửa xe, thỉnh thoảng rảnh anh mới về nhà một lúc rồi lại đi ngay. Thời điểm này giữa anh Đ và chị Th không còn sự quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, tình cảm không còn do thời gian dài vợ chồng không sống chung với nhau. Đến năm 2019 thì anh Đ chuyển hẳn về Thành phố Hồ Chí Minh ở và làm việc từ đó cho đến nay, khi nào gia đình có việc thì anh mới về nhà để lo việc gia đình, xong là lại đi ngay.

Nay do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hà Thị Thu Th.

- Về con chung: Anh Đ và chị Th có 03 con chung là Lại Nguyên P, sinh ngày 12/9/2001; Lại Quốc H, sinh ngày 18/9/2004 và Lại Quốc T, sinh ngày 20/02/2007. Hiện cháu P đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên anh Đ không yêu cầu xem xét giải quyết, còn cháu H và cháu T đang ở với chị Th, do các cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị Th và chị Th cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu nên anh Đ đồng ý giao 02 con chung là Lại Quốc H, sinh ngày 18/9/2004 và Lại Quốc T, sinh ngày 20/02/2007 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Anh Đ đồng ý cấp dưỡng hàng tháng nuôi cháu H và cháu Đ với số tiền là 1.500.000đ/tháng/cháu, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ khi Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về tài sản chung: Anh Đ trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đ cam kết vợ chồng không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Tại bản tự khai, lời trình bày trong các biên bản hòa giải bị đơn chị Hà Thị Thu Th trình bày:*

Chị thống nhất với những lời trình bày của anh Đ về quá trình quen biết, tìm hiểu và chung sống, kết hôn, có con chung của vợ chồng.

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Th trình bày trong quá trình chung sống chị và anh Đ không có mâu thuẫn gì, chị vẫn còn tình cảm với anh Đ nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ. Ngoài ra, chị Th cũng thừa nhận chị và anh Đ đã không còn chung sống với nhau hơn 10 năm nay.

-Về con chung: Chị Th và anh Đ có 03 con chung như anh Đ trình bày trên là đúng. Chị có nguyện vọng nuôi hai con chung là Lại Quốc H, sinh ngày 18/9/2004 và Lại Quốc T, sinh ngày 20/02/2007. Chị Th yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu T hàng tháng với số tiền 1.500.000đ/tháng/cháu. Đối với cháu Lại Nguyên P đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Th trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Th cam kết vợ chồng không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào ngày 23/8/2022 nhưng không thành, sau đó anh Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Hà Thị Thu Th, đồng ý giao 02 con chung là Lại Quốc H và Lại Quốc T cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con với số tiền

1.500.000đ/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng, còn cháu Lại Nguyên P đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên anh Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn chị Hà Thị Thu Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến của mình.

Tòa án đã tiến hành xác minh quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh Đ và chị Th, đồng thời tiến hành thu thập văn bản thể hiện nguyện vọng của các cháu Lại Quốc H và Lại Quốc T trong trường hợp ba và mẹ các cháu ly hôn. Theo đó, tại lời khai vào ngày 23/8/2022 các cháu H và Th đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL đã phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản không có vi phạm gì.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Đ được ly hôn với chị Hà Thị Thu Th; Căn cứ Điều 246 BLTTDS công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao 02 con chung là cháu Lại Quốc H và Lại Quốc T cho chị Th nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi thành niên; về cấp dưỡng buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu Th với số tiền 1.500.000đ/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng. Đối với cháu Lại Nguyên P đã trưởng thành, khỏe mạnh phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết;

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Hà Thị Thu Th cư trú tại số 105/37 LTK, phường 1, thành phố B L, tỉnh Lâm Đồng, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn chị Hà Thị Thu Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lại Quốc Đ và chị Hà Thị Thu Th chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 1, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 25/9/2001, việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa anh Đ và chị Th không có nhiều thời gian chung sống bên nhau. Cả anh Đ và chị Th đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm nay.

Do anh Đ không còn tình cảm gì với chị Th, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hà Thị Thu Th.

Còn chị Th cũng thừa nhận vợ chồng đã hơn 10 năm nay không cùng chung sống với nhau nhưng chị Th và anh Đ không có mâu thuẫn gì, bản thân chị Th hiện vẫn còn tình cảm với anh Đ nên không đồng ý ly hôn.

Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định anh Đ và chị Th hiện nay đã sống ly thân từ lâu không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Xét thấy chị Th trình bày hiện vẫn còn tình cảm với anh Đ nhưng đó chỉ là ý kiến đơn phương từ một phía không được anh Đ thừa nhận. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị Th đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 39 Bộ luật dân sự, xử cho anh Đ và chị Th được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị Th đã có với nhau 03 người con chung tên là Lại Nguyên P, sinh ngày 12/9/2001, Lại Quốc H, sinh ngày 18/9/2004 và Lại Quốc T, sinh ngày 20/02/2007.

Nay chị Th có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và cháu T, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng cháu Lại Nguyên P đã thành niên, khỏe mạnh bình thường nên không xem xét giải quyết, còn cháu H và cháu T thì từ khi anh Đ và chị Th sống ly thân cho đến nay con chung do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc con, chị Th luôn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Cháu H và cháu T cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Anh Đ cũng đồng ý giao cháu H và cháu T cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu T số tiền 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng. Để đảm bảo sự phát triển của con chung tránh sự thay đổi xáo trộn trong cuộc sống, sinh hoạt nên cần thiết tiếp tục giao con chung là cháu Lại Quốc H và Lại Quốc T cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu T mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị Th thống nhất trình bày hiện tại vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc anh

Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lại Quốc Đ đối với chị Hà Thị Thu Th.

Xử cho anh Lại Quốc Đ và chị Hà Thị Thu Th được ly hôn.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xử giao con chung là Lại Quốc H, sinh ngày 18/9/2004 và Lại Quốc T, sinh ngày 20/02/2007 cho chị Hà Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Đối với cháu Lại Nguyên P, sinh ngày 12/9/2001 đã trưởng thành, khỏe mạnh, có khả năng lao động và tự lo cho bản thân, anh Đ và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu Tvới số tiền là 1.500.000 đồng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15 tháng 9 năm 2022) cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi.

*“Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình”.*

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

4. Về án phí: Buộc anh Lại Quốc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005095 ngày 30/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Anh Đ còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2022). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận*

*thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố BL;
- Chi cục THADS thành phố BL;
- UBND phường 2, thành phố BL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
(đã ký và đóng dấu)  
**Lê Thị Hòa**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Nhàn**

**Hoàng Xuân Ty**

**Lê Thị Hòa**







**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

